

Bản án số: **347/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 31 tháng 7 năm 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thế Vinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh và bà Nguyễn Thị Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 415/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2023/QĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông TVH, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Căn hộ 409 – N8, Tổ dân phố TX, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà VTD, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Căn hộ 409 – N8, Tổ dân phố TX, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh TVH trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: ông và bà VTD có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 25/5/2000 tại UBND xã Hòa Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống đến tháng 6/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm không thể nói chuyện được với nhau, cụ thể là hai vợ chồng có nhiều bất đồng trong cách chăm sóc, giáo dục con chung. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không có cách nào hàn gắn và dẫn đến vợ chồng ly thân. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với bà Dung nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn bà VTD.

Về con chung: Ông và bà Dung có hai người con chung là: TVTH, sinh ngày 08/12/2000 và THA, sinh ngày 02/10/2006. Đối với con chung TH hiện đã trưởng thành, nên không xem xét. Ly hôn, anh đề nghị giao con chung THA cho bà Dung trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con ông sẽ tự thực hiện trên thực tế ăn học của con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà VTD đến để có lời khai về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng bị đơn VTD không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án cùng cán bộ UBND phường XD đã đến địa chỉ nhà bị đơn để lấy lời khai nhưng bà Dung từ chối khai. Vì vậy, Tòa án không thể lấy được lời khai của bị đơn chị VTD.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà VTD. Về con chung ông giữ nguyên ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung THA cho bà Dung trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng ông tự thực hiện và không yêu cầu Tòa án ghi trong bản án.

- Bà VTD vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ thụ lý, lấy lời khai, hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia tố tụng mà không có lý do chính đáng là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Thấy rằng cuộc sống chung giữa ông Hưng và bà Dung có xảy ra mâu thuẫn, đã thực sự trầm trọng và kéo dài. Mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Ông Hưng và bà Dung đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông TVH đối với VTD.

- Về con chung: ông Hưng và bà Dung có hai con chung là: TVTH, sinh ngày 08/12/2000 và THA, sinh ngày 02/10/2006. Đối với con chung TVTH đã trưởng thành, có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét, giải quyết việc Hương ở với ông Hưng hay bà Dung. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Huy Anh cho bà Dung trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hưng không yêu cầu nên không xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” giữa Nguyên đơn là ông TVH và Bị đơn là bà VTD. Bị đơn VTD cư trú tại địa chỉ Căn hộ 409 – N8, Tổ dân phố TX, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm căn cứ vào tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của Bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà VTD là có căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông TVH đối với bà VTD, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về tình cảm*: Ông TVH và bà VTD kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2000 tại UBND xã Hòa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không lấy được lời khai của bà VTD, mặc dù bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng như sau: Ông Hưng cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ những bất đồng trong cách chăm sóc, giáo dục con cái. Từ đó dẫn đến hai bên thường xuyên bất hòa, không thể nói chuyện được với nhau dẫn đến dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Nay nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ: Lời khai của các con chung và Biên bản xác minh tại Tổ dân phố đều thể hiện: Giữa các đương sự có mâu thuẫn kéo dài, hai bên đã sống ly thân nhiều năm và tình trạng mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn TVH đã trình bày. Bị đơn VTD mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Hưng nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nào gửi Tòa án về nguyện vọng được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét, lời khai của Nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, đều thể hiện: Vợ chồng ông TVH, bà VTD thực sự có mâu thuẫn mức độ trầm trọng, các đương sự đã ly thân nhau thời gian dài, không còn mong muốn tiếp tục hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông TVH đối với bà VTD là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Ông Hưng và bà Dung có hai con chung: TVTH, sinh ngày 08/12/2000 và THA, sinh ngày 02/10/2006. Đối với con chung TVTH đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc

nuôi con chung. Xét yêu cầu của ông TVH đề nghị giao con chung Huy Anh cho bà VTD nuôi, phù hợp với nguyện vọng của con chung và các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung vợ chồng về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu Ly hôn của ông TVH đối với bà VTD.

[1.1]. Về nhân thân: Ông TVH được ly hôn bà VTD.

[1.2]. Về con chung: Ông TVH và bà VTD có hai con chung là TVTH, sinh ngày 08/12/2000 và THA, sinh ngày 02/10/2006.

Giao con chung THA cho bà VTD trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác của các đương sự. Ông TVH không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung của ông TVH.

[1.3]. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[1.4]. Về nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

[2.1]. Ông TVH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0043440 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ông TVH đã nộp đủ án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA DS Q.Bắc Từ Liêm;
- Lưu HS, VP

Đặng Thế Vinh